

Thực trạng phát triển vốn từ cho trẻ 3 - 4 tuổi thông qua hoạt động ngoài trời tại các trường mầm non quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh

Phạm Thị Thu Thủy*

*Khoa Giáo dục Mầm non, Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế
Received: 26/07/2024; Accepted: 02/08/2024; Published: 04/08/2024

Abstract: This study focuses on assessing the current state of vocabulary development for 3-4 year old children through outdoor activities in kindergartens in Binh Tan district, Ho Chi Minh City. Through a survey of 149 participants, including 120 teachers and 29 managers, the research clarifies the perceptions of teachers and managers about the importance of vocabulary development, the advantages of outdoor activities, as well as objectives, tasks, methods and organizational forms. The results show high consensus between teachers and managers on many aspects of this process, while also pointing out some difficulties that need to be overcome. The study provides an important practical basis for proposing measures to improve the effectiveness of vocabulary development for 3-4 year old children through outdoor activities in kindergartens in the area.

Keywords: Vocabulary development, outdoor activities, 3-4 year old children, kindergarten, Binh Tan district, Ho Chi Minh City.

1. Đặt vấn đề

Phát triển vốn từ (PTVT) cho trẻ là một trong những mục tiêu quan trọng nhất của giáo dục mầm non (GDMN), đặc biệt trẻ ở độ tuổi 3-4. “Vốn từ của trẻ trong giai đoạn này phát triển mạnh mẽ và rất nhanh về số lượng từ, khả năng hiểu nghĩa của từ, ... bước đầu hình thành cho trẻ năng lực ngôn ngữ như nghe lời nói và phát âm, khả năng sử dụng từ ngữ, các kiểu câu tiếng Việt và đặc biệt là nói năng mạch lạc trong giao tiếp và học tập” [5].

“PTVT cho trẻ là hoạt động giáo dục có chủ đích, có kế hoạch, nhằm giúp trẻ lĩnh hội vốn từ có hiệu quả; là một quá trình lâu dài trẻ tích lũy vốn từ, hiểu nghĩa của từ và hình thành cách sử dụng từ trong các tình huống giao tiếp cụ thể.” [1]. PTVT cho trẻ 3-4 tuổi cung cấp và gia tăng số lượng vốn từ tích cực cho trẻ, nâng cao cả về chất lượng từ, khả năng hiểu nghĩa của từ và biết dùng từ phù hợp trong ngữ cảnh giao tiếp.

Trong chương trình GDMN, PTVT không có hoạt động chuyên biệt mà nó được lồng ghép, tích hợp trong các hoạt động. Trẻ 3-4 tuổi lại có nhu cầu rất lớn trong việc tiếp xúc và nhận thức thế giới xung quanh thông qua hoạt động ngoài trời (HĐNT), các hoạt động gắn với môi trường thiên nhiên. “HĐNT là hoạt động giáo dục được tiến hành ở môi trường không gian ngoài trời tự nhiên như: buổi dạo chơi xung quanh sân trường; hoạt động học ở sân trường,

vườn trường; một buổi tham quan, dã ngoại, vui chơi ở ngoài trường mầm non” [2]. “HĐNT cho trẻ ở trường mầm non là một hoạt động giáo dục nằm trong chế độ sinh hoạt hằng ngày của trẻ ở trường mầm non, được nhà giáo dục tổ chức một cách có mục đích trong môi trường không gian tự nhiên” [3]. Vì vậy, nếu tổ chức HĐNT phù hợp sẽ thúc đẩy quá trình PTVT cho trẻ 3-4 tuổi một cách hiệu quả.

PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT cần được nghiên cứu về mặt lý luận và thực tiễn, từ đó đề xuất các biện pháp nâng cao chất lượng tổ chức quá trình này ở trường mầm non (MN). Để góp phần thực hiện nhiệm vụ đó, bài báo tập trung làm rõ thực trạng PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT tại các trường MN trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh (TPHCM). Bức tranh khái quát về thực trạng được phân tích và nhận định trên cơ sở nhận thức của cán bộ quản lý (CBQL) và giáo viên (GV) cũng như quá trình tổ chức này trong thực tiễn chăm sóc và giáo dục trẻ MN.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu này thu thập dữ liệu từ 149 đối tượng tham gia, bao gồm 120 GV dạy lớp mẫu giáo (MG) 3-4 tuổi và 29 CBQL từ các trường MN tại quận Bình Tân, TPHCM. Đối với nhóm CBQL, độ tuổi trung bình là 43,1 năm, với thâm niên công tác trung bình là 20,1 năm (dao động từ 14 đến 35 năm). Về trình

độ học vấn, phần lớn CBQL có bằng đại học (51,7%) hoặc sau đại học (44,8%), chỉ một số ít (3,4%) có bằng cao đẳng.

Trong nhóm GV, tất cả đều là nữ giới. Phân bố thâm niên công tác cho thấy đa số (76,7%) có dưới 5 năm kinh nghiệm, trong khi 12,5% có từ 5-10 năm kinh nghiệm và 10,8% có trên 10 năm kinh nghiệm. Về trình độ học vấn, phần lớn GV (76,7%) có bằng đại học, 15,8% có bằng cao đẳng, và 7,5% có bằng sau đại học. Tất cả GV đều đạt trình độ chuẩn theo quy định của Luật Giáo dục [4].

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Nghiên cứu này áp dụng phương pháp khảo sát định lượng để đánh giá thực trạng PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HDNT tại các trường MN. Công cụ chính được sử dụng là bảng hỏi, được thiết kế riêng biệt cho hai nhóm đối tượng: CBQL và GV dạy các lớp MG 3-4 tuổi.

Bảng hỏi được cấu trúc bao gồm cả câu hỏi đóng và mở, trong đó câu hỏi đóng sử dụng thang đo Likert 5 điểm, từ 1 đến 5. Mỗi bảng hỏi gồm 35 mục, nhằm đánh giá mức độ nhận thức và thực hành về PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HDNT. Để đảm bảo độ tin cậy của công cụ nghiên cứu, các bảng hỏi đã được kiểm tra độ nhất quán nội bộ thông qua hệ số Cronbach's Alpha. Kết quả cho thấy bảng hỏi dành cho CBQL có hệ số Cronbach's Alpha tổng thể đạt 0,932, với các thang đo thành phần dao động từ 0,76 đến 0,942. Tương tự, bảng hỏi dành cho GV có hệ số Cronbach's Alpha tổng thể đạt 0,935, với các thang đo thành phần dao động từ 0,88 đến 0,947. Các hệ số này chứng minh độ tin cậy cao của cả hai bảng hỏi.

Về phân tích dữ liệu, nghiên cứu sử dụng phần mềm IBM SPSS phiên bản 26.0 để xử lý số liệu. Các phương pháp phân tích bao gồm thống kê mô tả để tính toán điểm trung bình (ĐTB) và độ lệch chuẩn (ĐLC), cũng như kiểm định t-test để so sánh sự khác biệt giữa phản hồi của CBQL và GV. Mức ý nghĩa thống kê được xác định ở $p < 0,05$, nhằm đảm bảo tính chính xác và độ tin cậy của kết quả nghiên cứu.

2.3. Kết quả và phân tích kết quả thực trạng phát triển vốn từ cho trẻ 3-4 tuổi thông qua hoạt động ngoài trời tại các trường mầm non trên địa bàn quận Bình Tân, thành phố Hồ Chí Minh

2.3.1. Sự cần thiết của việc phát triển vốn từ cho trẻ 3-4 tuổi

Để biết được nhận thức của CBQL và GV về mức độ cần thiết của việc PTVT cho trẻ 3-4 tuổi, chúng tôi đã sử dụng câu hỏi đóng với 5 mức độ từ hoàn toàn không cần thiết đến rất cần thiết. Kết quả thu

được như sau:

Bảng 2.1. Sự cần thiết của việc PTVT cho trẻ 3-4 tuổi

| TT | Mức độ cần thiết | Số lượng | Tỉ lệ |
|----|---------------------------|----------|-------|
| 1 | Hoàn toàn không cần thiết | 0 | 0 |
| 2 | Không cần thiết lắm | 5 | 3.4 |
| 3 | Tương đối cần thiết | 4 | 2.7 |
| 4 | Cần thiết | 25 | 16.8 |
| 5 | Rất cần thiết | 115 | 77.2 |

Bảng 2.1 cho thấy, CBQL và GVMN đều đánh giá cao hoạt động PTVT cho trẻ 3-4 tuổi là “rất cần thiết” hoặc “cần thiết”, trong số đó, tỷ lệ đánh giá “rất cần thiết” chiếm đa số (77.2). 3.4% GV và CBQL cảm thấy rằng việc PTVT không quá cần thiết. Điều này càng nhấn mạnh tầm quan trọng của việc đầu tư vào các hoạt động giáo dục nhằm PTVT cho trẻ 3-4 tuổi.

2.3.2. Ưu thế của hoạt động ngoài trời đối với việc PTVT cho trẻ 3-4 tuổi

Bảng 2.2 cho thấy rõ ưu thế của HDNT đối với việc PTVT cho trẻ 3-4 tuổi.

Bảng 2.2. Ưu thế của HDNT đối với việc PTVT cho trẻ 3-4 tuổi

| TT | Ưu thế | GV | | CBQL | | Chung | | P |
|----|--|------|------|------|------|-------|------|-------|
| | | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | |
| 1 | HDNT là một hoạt động quan trọng, dễ dàng thu hút và lôi cuốn trẻ để PTVT cho trẻ | 4.33 | 0.69 | 4.47 | 0.51 | 4.36 | 0.66 | 0.314 |
| 2 | HDNT phát triển sự nhanh nhẹn, năng động, tích cực, tự tin; phát triển tư duy, trí tưởng tượng, khả năng sáng tạo của trẻ, thông qua đó trẻ mở rộng vốn từ về số lượng và tích lũy vốn từ về từ loại | 4.37 | 0.69 | 4.47 | 0.51 | 4.39 | 0.65 | 0.519 |

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5$; $P < 0.05$

Theo bảng 2.2, GV và CBQL đều đánh giá cao ưu thế của HDNT, với điểm trung bình (ĐTB) dao động từ 4.36 đến 4.39. Kết quả kiểm định T-test cho thấy rằng sự khác biệt về ưu thế của HDNT giữa hai nhóm GV và CBQL không có ý nghĩa thống kê, với giá trị p lớn hơn 0.05 cho cả hai ưu thế, cho thấy sự đồng thuận giữa hai nhóm về mức độ cần thiết của HDNT trong việc PTVT cho trẻ 3-4 tuổi.

2.3.3. Mục tiêu, nhiệm vụ PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua hoạt động ngoài trời

Mục tiêu là thành tố đầu tiên, định hướng toàn bộ quá trình tổ chức hoạt động PTVT cho trẻ 3-4

tuổi thông qua HĐNT. Đánh giá của GV và CBQL về mức độ cần thiết của từng mục tiêu thể hiện qua bảng 2.3 dưới đây.

Bảng 2.3. Mục tiêu PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT

| TT | Mục tiêu | GV | | CBQL | | Chung | | p |
|----|---|------|------|------|------|-------|------|-------|
| | | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | |
| 1 | Tạo cơ hội cho trẻ được tiếp xúc, quan sát, nhận biết, khám phá, trải nghiệm các sự vật hiện tượng xung quanh | 4.33 | 0.63 | 4.53 | 0.51 | 4.37 | 0.61 | 0.102 |
| 2 | Giúp trẻ hứng thú, tích cực tham gia các hoạt động, cảm nhận các sự vật, hiện tượng | 4.33 | 0.67 | 4.53 | 0.51 | 4.37 | 0.64 | 0.107 |
| 3 | Tạo cơ hội cho trẻ tương tác và sử dụng ngôn ngữ trong quá trình khám phá | 4.37 | 0.65 | 4.63 | 0.49 | 4.42 | 0.63 | 0.024 |
| 4 | Phát triển khả năng hoạt động nhóm, tạo cơ hội cho trẻ được trao đổi, thảo luận và chia sẻ các nội dung, dự kiến theo chủ đề có ý nghĩa với trẻ | 4.28 | 0.72 | 4.53 | 0.51 | 4.33 | 0.69 | 0.047 |
| 5 | Phát triển sự sáng tạo, trí tưởng tượng, tích cực chủ động trong việc tiếp thu từ mới và sử dụng từ trong các tình huống có ý nghĩa | 4.33 | 0.68 | 4.53 | 0.51 | 4.36 | 0.65 | 0.094 |
| 6 | Cung cấp nhiều chủ đề mang tính hấp dẫn để trẻ dễ dàng xâu chuỗi, kết nối những điều đã được khám phá, trải nghiệm để làm giàu vốn từ, có nhiều chất liệu sáng tạo trong các câu chuyện của trẻ | 4.34 | 0.64 | 4.53 | 0.51 | 4.38 | 0.62 | 0.120 |

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5; P < 0.05$

Số liệu ở bảng 2.3 cho thấy đánh giá của CBQL và GV về mức độ cần thiết của các mục tiêu PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT, với ĐTB dao động từ 4.33 đến 4.42. Trong đó ĐTB chung cao nhất là 4.42 và điểm thấp nhất là 4.33. Kết quả kiểm định T-test cho thấy sự khác biệt giữa GV và CBQL không có ý nghĩa thống kê đối với hầu hết các mục tiêu, với giá trị p dưới 0.05.

Trên cơ sở xác định mục tiêu, CBQL và GV đã chỉ rõ các nhiệm vụ PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT như sau:

Bảng 2.4. Nhiệm vụ PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT

| TT | Nhiệm vụ | GV | | CBQL | | Chung | | P |
|----|---|------|------|------|------|-------|------|-------|
| | | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | |
| 1 | Tích lũy số lượng từ cần thiết cho giao tiếp ngôn ngữ của trẻ | 4.32 | 0.62 | 4.30 | 1.21 | 4.35 | 0.60 | 0.138 |
| 2 | Cung cấp các từ loại với tỉ lệ thích hợp | 4.23 | 0.76 | 4.50 | 0.51 | 4.30 | 0.73 | 0.003 |
| 3 | Giúp trẻ hiểu nghĩa của từ | 4.32 | 0.61 | 4.60 | 0.50 | 4.38 | 0.60 | 0.020 |
| 4 | Giúp trẻ tích cực hoá VT | 4.33 | 0.69 | 4.60 | 0.50 | 4.38 | 0.66 | 0.028 |
| 5 | Làm giàu VT | 4.38 | 0.64 | 4.60 | 0.50 | 4.44 | 0.62 | 0.004 |
| 6 | Củng cố VT | 4.38 | 0.67 | 4.70 | 0.47 | 4.44 | 0.65 | 0.005 |

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5; P < 0.05$

Theo bảng số liệu, CBQL và GV đều đánh giá cao mức độ cần thiết của các nhiệm vụ PTVT, với ĐTB cao và ĐLC thấp, cho thấy sự đồng thuận và mức độ quan tâm đáng kể. Điểm cao nhất thuộc về nhiệm vụ “Củng cố VT” từ phía CBQL với ĐTB là 4.70 và ĐLC là 0.47. Điểm thấp nhất là “Cung cấp các từ loại với tỉ lệ thích hợp” từ phía GV với ĐTB là 4.23 và ĐLC là 0.76.

2.3.4. Phương pháp, hình thức phát triển vốn từ cho trẻ 3-4 tuổi thông qua hoạt động ngoài trời

Để thực hiện các nhiệm vụ PTVT thông qua HĐNT cho trẻ 3-4 tuổi, GV cần lựa chọn phương pháp phù hợp. Khảo sát mức độ chỉ đạo/sử dụng các phương pháp PTVT thông qua HĐNT cho trẻ 3-4 tuổi của CBQL và GV thu được kết quả sau:

Bảng 2.5. Phương pháp PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT

| TT | Phương pháp | GV | | CBQL | | Chung | | P |
|----|--------------------------|------|------|------|------|-------|------|-------|
| | | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | |
| 1 | Sử dụng trò chơi | 4.30 | 0.62 | 4.53 | 0.51 | 4.34 | 0.60 | 0.054 |
| 2 | Đàm thoại, trò chuyện | 4.38 | 0.62 | 4.47 | 0.51 | 4.39 | 0.60 | 0.508 |
| 3 | Trực quan | 4.26 | 0.61 | 4.47 | 0.51 | 4.30 | 0.60 | 0.089 |
| 4 | Tạo tình huống có vấn đề | 4.22 | 0.68 | 4.53 | 0.51 | 4.28 | 0.66 | 0.010 |

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5; P < 0.05$

Theo bảng số liệu, CBQL chỉ đạo và GV đều triển khai các phương pháp dạy học ở mức độ cao, với điểm ĐTB dao động từ 4.22 đến 4.38, cho thấy một mức độ quan tâm và ưu tiên cao đối với việc thực hiện HĐNT theo các phương pháp này. ĐLC dao động từ 0.51 đến 0.68, phản ánh mức độ đồng

thuận trong cả GV và CBQL về mức độ hiệu quả của HĐNT theo từng phương pháp. Điểm cao nhất trong ĐTB chung là 4.39 và điểm thấp nhất là 4.22.

PTVT cần được tổ chức dưới nhiều hình thức HĐNT khác nhau bởi vốn dĩ HĐNT của trẻ ở trường MN khá đa dạng. Việc chi đạo và sử dụng các hình thức hoạt động này của CBQL và GV được thể hiện ở bảng 2.6.

Bảng 2.6. Hình thức tổ chức HĐNT nhằm PTVT cho trẻ 3-4 tuổi

| TT | Hoạt động | GV | | CBQL | | Chung | | P |
|----|--|------|------|------|------|-------|------|-------|
| | | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | |
| 1 | Hoạt động khám phá môi trường xung quanh | 4.32 | 0.61 | 4.40 | 0.50 | 4.34 | 0.59 | 0.374 |
| 2 | Hoạt động lao động đơn giản | 4.15 | 0.60 | 4.30 | 0.47 | 4.18 | 0.58 | 0.127 |
| 3 | Hoạt động vui chơi | 4.37 | 0.61 | 4.47 | 0.51 | 4.39 | 0.59 | 0.294 |

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5; P < 0.05$

Các hình thức hoạt động được liệt kê trong bảng số liệu đều nhận được sự đánh giá cao từ GV và CBQL với ĐTB dao động từ 4.15 đến 4.47 trên thang điểm 5. Điều này cho thấy các hoạt động này được thực hiện một cách hiệu quả. ĐLC có giá trị từ 0.47 đến 0.61 biểu thị sự nhất quán trong việc đánh giá của các cá nhân tham gia. Giá trị p của kiểm định t-test trong mỗi trường hợp đều lớn hơn 0.05, cho thấy rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa đánh giá của GV và CBQL đối với mỗi hoạt động.

2.3.5. Thuận lợi và khó khăn trong việc phát triển vốn từ cho trẻ 3-4 tuổi thông qua hoạt động ngoài trời

Hiệu quả của việc PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT phụ thuộc vào nhiều yếu tố. Trong đó, có những yếu tố mang lại thuận lợi và có những yếu tố gây khó khăn cho GV. Bảng 2.7 mô tả cụ thể những yếu tố thuận lợi.

Bảng 2.7. Thuận lợi trong quá trình PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT

| TT | Thuận lợi | GV | | CBQL | | Chung | | P |
|----|--|------|------|------|------|-------|------|-------|
| | | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | |
| 1 | Trẻ tích cực và hứng thú tham gia các HĐNT | 3.33 | 1.19 | 4.30 | 0.65 | 4.30 | 0.56 | 0.888 |
| 2 | Cá nhân được linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong lập kế hoạch HĐNT, xây dựng môi trường phù hợp khả năng của trẻ và tình hình địa phương | 3.08 | 1.35 | 4.30 | 0.47 | 4.17 | 0.63 | 0.101 |

| | | | | | | | | |
|---|---|------|------|------|------|------|------|-------|
| 3 | Kỹ năng tổ chức HĐNT của bản thân tốt | 3.54 | 1.00 | 4.40 | 0.50 | 4.19 | 0.60 | 0.015 |
| 4 | Bản thân có kiến thức, hiểu biết nhiều về PTVT cho trẻ thông qua HĐNT | 3.38 | 1.12 | 4.40 | 0.50 | 4.23 | 0.61 | 0.039 |
| 5 | Có sự quan tâm, hỗ trợ của đồng nghiệp | 3.21 | 1.26 | 4.30 | 0.47 | 4.26 | 0.55 | 0.556 |
| 6 | Có sự quan tâm, phối hợp của phụ huynh | 3.43 | 1.21 | 4.30 | 0.47 | 4.17 | 0.64 | 0.121 |
| 7 | Môi trường tổ chức HĐNT phong phú, đa dạng | 3.08 | 1.25 | 4.40 | 0.50 | 4.28 | 0.59 | 0.138 |

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5; P < 0.05$

Bảng số liệu cho thấy một sự đồng thuận tích cực giữa GV và CBQL về các yếu tố thuận lợi, với ĐTB chung dao động từ 3.08 đến 4.30. Điểm ĐTB cao nhất là 4.30 cho cả GV và CBQL được ghi nhận cho yếu tố “Trẻ tích cực và hứng thú tham gia các HĐNT” và điểm ĐTB thấp nhất thuộc về yếu tố “Cá nhân được linh hoạt, chủ động, sáng tạo trong lập kế hoạch HĐNT”. Khi tiến hành kiểm định T-test để so sánh ĐTB giữa GV và CBQL, ta thấy rằng không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ở hầu hết các yếu tố.

Bảng 2.8. Khó khăn trong quá trình PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT

| TT | Khó khăn | GV | | CBQL | | Chung | | P |
|----|---|------|------|------|------|-------|------|-------|
| | | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | ĐTB | ĐLC | |
| 1 | Thời gian dành cho tổ chức HĐNT chưa được linh hoạt | 3.18 | 1.26 | 2.93 | 1.31 | 3.25 | 1.22 | 0.153 |
| 2 | Môi trường tổ chức HĐNT hạn chế | 3.13 | 1.24 | 3.10 | 1.16 | 3.08 | 1.32 | 0.910 |
| 3 | Sự hợp tác của PH còn ít | 3.42 | 1.07 | 3.23 | 1.17 | 3.48 | 1.04 | 0.215 |
| 4 | Kiến thức về PTVT cho trẻ của bản thân còn hạn chế | 3.15 | 1.29 | 3.20 | 1.10 | 3.34 | 1.11 | 0.470 |
| 5 | Kỹ năng tổ chức HĐNT của bản thân chưa tốt | 3.18 | 1.27 | 3.20 | 1.10 | 3.21 | 1.23 | 0.995 |
| 6 | Số lượng trẻ trong lớp quá đông | 3.35 | 1.23 | 3.17 | 1.56 | 3.38 | 1.29 | 0.411 |

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 5; P < 0.05$

Theo bảng số liệu, “Thời gian dành cho tổ chức HĐNT chưa được linh hoạt” và “Số lượng trẻ trong lớp quá đông” có ĐTB chung lần lượt là 3.25 và 3.38, cho thấy những hạn chế về thời gian và quản lý lớp học là những vấn đề đáng chú ý. Mặt khác, “Môi trường tổ chức HĐNT hạn chế” và “Kiến thức về PTVT cho trẻ của bản thân còn hạn chế” có ĐTB chung là 3.08 và 3.34 tương ứng, phản ánh rằng môi trường và kiến thức chuyên môn cần được cải thiện

để hỗ trợ tốt hơn cho quá trình PTVT.

3. Kết luận

Kết quả khảo sát 29 CBQL và 120 GV trên địa bàn quận Bình Tân, TPHCM đã cho thấy mức độ chỉ đạo và nhận thức của CBQL và GV về sự cần thiết của việc PTVT cho trẻ 3-4 tuổi, ưu thế của HĐTN đối với sự PTVT của trẻ độ tuổi này và những vấn đề liên quan đến PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT bao gồm: mục tiêu, nhiệm vụ, phương pháp, hình thức, thuận lợi và khó khăn của quá trình này.

Từ thực trạng khảo sát, chúng ta có thể nhận thấy những ưu điểm và hạn chế cơ bản của thực trạng, làm cơ sở để đưa ra những cách thức tác động phù hợp nhằm nâng cao hiệu quả PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT ở các trường MN trên địa bàn quận Bình Tân, TPHCM. Những tác động đó cần tập trung vào việc nâng cao nhận thức của GV về PTVT, HĐNT, quá trình PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT; tăng cường sử dụng các phương pháp nêu tình huống có vấn đề, thảo luận nhóm, thực hành trải nghiệm và trực quan; sử dụng nhiều hơn những tình huống ở các chủ đề khác nhau để trẻ trải nghiệm và có cơ hội PTVT. Để làm tốt nhiệm vụ của mình, GVMN

trên địa bàn quận Bình Tân, TPHCM cần nhận được sự chỉ đạo trực tiếp của CBQL các cấp, sự kết nối chặt chẽ với các lực lượng giáo dục trong và ngoài nhà trường. Mỗi nhân tố đều có đóng góp tích cực đến việc PTVT cho trẻ 3-4 tuổi thông qua HĐNT nói riêng và sự phát triển toàn diện trẻ MN nói chung.

Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Thị Phương Nga (2006), *Giáo trình Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, NXB Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Cao Thị Hồng Nhung (2020), *Tổ chức hoạt động ngoài trời nhằm phát triển lời nói mạch lạc cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non*, Luận án tiến sĩ Giáo dục học, trường Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[3] Đặng Hồng Phương (2022), “Thực nghiệm biện pháp tổ chức hoạt động ngoài trời nhằm phát triển tố chất thể lực cho trẻ 5-6 tuổi ở trường mầm non”, *Hnue journal of science*, volume 67, issue 1, pp. 95-109.

[4] Quốc hội (2019), *Luật Giáo dục*.

[5] Đinh Hồng Thái (Chủ biên), Trần Thị Mai (2008), *Giáo trình phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non*, NXB Giáo Dục.

Xây dựng ngữ liệu đa phương thức hỗ trợ... (tiếp theo trang 152)

4. Kết luận

ĐMR là một yêu cầu cần đạt được CTNV 2018 chú trọng nhằm góp phần hình thành thói quen và văn hóa đọc cho HS. Nghiên cứu đã tiến hành xây dựng hệ thống NLĐPT trên nền tảng số canvas nhằm hỗ trợ GV dạy ĐMR cho HS lớp 4. Các kết quả thu được cho thấy hệ thống NLĐPT mà chúng tôi xây dựng không những sẽ trở thành nơi bồi dưỡng văn hóa đọc phù hợp và hiệu quả cho HS mà còn nâng cao chất lượng dạy học tiếng Việt của GV thích ứng với thời đại công nghệ nói chung. Với hệ thống NL trên, HS có thể thực hiện đọc độc lập các VB ĐPT một cách linh hoạt, chủ động. Bên cạnh đó, với những sản phẩm học tập thu thập được từ nền tảng số, GV có thể nắm bắt được tình hình học tập của HS, đánh giá được những tiến bộ tích cực của HS trong quá trình rèn luyện năng lực đọc nhằm đưa ra những phản hồi động viên hoặc hỗ trợ kịp thời góp phần nâng cao chất lượng dạy học đọc cho HS lớp 4 nói riêng và HS tiểu học nói chung.

Tài liệu tham khảo

[1]. Bender, W. N. (2012). *Differentiating instruction for students with learning disabilities: New best practices for general and special educators*.

Thousand Oaks, CA: Corwin.

[2]. Colin Davis. (1995). Extensive reading: an expensive extravagance?. *ELT Journal*, 49(4), 329–336. <https://doi.org/10.1093/elt/49.4.329>

[3]. Grabe, W. & Stoller, F. (2002). *Teaching and researching reading*. Pearson Education: New York.

[4]. Gunther Kress, G. & van Leeuwen, T. (2001). *Multimodal Discourse - The Modes and Media of Contemporary Communication*. Oxford University Press.

[5]. Ministry of Education and Training [MOET]. (2018). *Chương trình Giáo dục phổ thông môn Ngữ văn 2018 [2018 Literature Education Curriculum]*. Hanoi.

[6]. Nguyen, T. L. K & Trinh, C. L. (2023). *Tài liệu bồi dưỡng giáo viên sử dụng sách giáo khoa môn Tiếng Việt 4 (bộ sách Chân trời sáng tạo) [Teacher training materials using grade 4 Vietnamese textbooks (Creative Horizons series)]*. Vietnam Education Publishing House Limited Company

[7]. Rodrigo, V., Krashen, S. D., & Gribbons, B.. (2004). The effectiveness of two comprehensible - input approaches to foreign language instruction at the intermediate level. *System*, 32(1), 53-60, 2004.